

Bản án số: 25/2021/HS-PT

Ngày: 17 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hữu Thắng.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hoàng Lâm  
Ông Nguyễn Đình Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo Trần Thị N và các bị cáo khác, do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn Đ, các bị hại Nguyễn Hồng D, Nguyễn Việt Tr, Mai Ngọc H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2020/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

**- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:**

1. Trần Văn Đ, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1990 tại huyện V, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Đoàn Thị Bích Ng và 02 người con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam trong vụ án khác. Có mặt.

2. Trần Thị N, sinh năm 1982 tại huyện C, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Trần Thị L; có chồng là Phan Tấn H và 02 người con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị cáo tại

ngoại. Có mặt.

3. Đoàn Thị Bích Ng, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1990 tại huyện V, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã Vị Bình, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị R; có chồng là Trần Văn Đ và 02 người con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 01 năm 2020 đến ngày 12 tháng 3 năm 2020 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay. Có mặt..

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:*

*Bị hại:*

1. Mai Ngọc H

Địa chỉ: ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2. Nguyễn Hồng D

Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, quận K, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Nguyễn Việt Tr

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08 tháng 9 năm 2019, Trần Văn Đ có hành vi gây thương tích cho ông Nguyễn Hoàng P. Vụ việc đang được cơ quan Công an huyện V điều tra, xác minh làm rõ thì vào ngày 11 tháng 9 năm 2019, Đoàn Thị Bích Ng (vợ Đ) cùng bà Nguyễn Thị P (mẹ ruột Đ) đến tiệm đánh máy và photo copy của Trần Thị N, thuê N đánh máy lại tờ tường trình sự việc đã viết tay trước đó. Sau khi đưa tờ tường trình cho N để đánh máy lại thì cả hai bàn bạc đến việc viết tờ tố cáo, khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền.

Sau đó, khi tiếp xúc hoặc làm việc với cơ quan chức năng về vụ việc có ý gây thương tích thì Đ và Ng nói lại nội dung cuộc làm việc cho N nghe, khi cơ quan chức năng gửi các giấy mời, các thông báo hoặc các quyết định cho người nhà của Đ thì Đ và Ng đều đưa cho N xem hoặc khi cơ quan công an làm việc, Đ và Ng đều điện thoại trực tiếp cho N để được hướng dẫn. Trước khi làm đơn, Đ, Ng và N gặp nhau hoặc nói chuyện qua điện thoại để bàn bạc thống nhất nội dung đơn sẽ viết.

Theo đó, Đ, Ng và N bịa đặt và phân tích những việc làm sai của các cơ quan chức năng hoặc các cán bộ trực tiếp thụ lý, giải quyết vụ việc. Cả ba tra

cứu các điều luật các cán bộ vi phạm, sau đó N hỏi Đ, Ng có làm đơn tố cáo tiếp hay không, Đ và N đồng ý thì N tự nghĩ ra nội dung đơn, đánh vào điều luật mà các cán bộ vi phạm như đã bàn bạc cùng Đ, Ng rồi đánh máy in ra, sau khi đọc lại đơn Đ và Ng thống nhất và ký tên vào đơn. Sau đó, cả ba tra cứu trên mạng tên, địa chỉ các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, giám sát việc giải quyết vụ việc, N đánh máy in tên, địa chỉ các cơ quan trên ra, Ng và Đ cắt dán vào bì thư rồi trực tiếp đi gửi đơn hoặc ra các bưu điện để gửi đơn.

Với cách thức trên, Đầu trực tiếp ký tên và gửi 14 đơn các loại, trong đó có 07 đơn tố cáo có nội dung như sau:

1. Tố cáo ông Đoàn Văn P (Phó Giám đốc), ông Phan Thành T (Trưởng khoa Ngoại tổng hợp) Bệnh viện đa khoa tỉnh H trong quá trình chữa bệnh cho ông Trần Văn M (cha Đ) có các hành vi: Vi phạm mục a, b, c khoản 1 Điều 73 Luật khám, chữa bệnh năm 2009 quy định xác định người hành nghề có sai sót chuyên môn kỹ thuật; có hành vi cấu thành tội Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 315 Bộ luật Hình sự năm 2015; có hành vi cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ, tại khoản 1, khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015; có hành vi cấu thành tội Vu khống tại mục b, c khoản 2, khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Đơn ngày 20 tháng 9 năm 2019*).

2. Tố cáo ông Nguyễn Thành P (Giám đốc), ông Trương Văn Xem (Trưởng phòng Tổ chức cán bộ) Bệnh viện đa khoa tỉnh H có các hành vi: Vi phạm khoản 1, 2, 4, 5, 7 Điều 8 Luật Tố cáo năm 2011 quy định những hành vi bị nghiêm cấm; vi phạm khoản 1, 3 Điều 5 Luật Tố cáo năm 2011 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo; vi phạm khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Khám chữa bệnh năm 2009 quy định thành lập hội đồng chuyên môn; vi phạm điểm a khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 166 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo, kèm theo biên bản làm việc của bệnh viện và Đầu (*Đơn ngày 23 tháng 9 năm 2019*).

3. Tố cáo ông Mai Ngọc H (Phó thủ trưởng), ông Nguyễn Việt Tr (Điều tra viên) thuộc Cơ quan điều tra Công an huyện V có các hành vi: Vi phạm điểm a, b, c khoản 2, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Giả mạo trong công tác; vi phạm điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3.388 khoản 4 Điều 375 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc (*Đơn ngày 04 tháng 10 năm 2019*)

4. Tố cáo ông Mai Ngọc H và ông Nguyễn Việt Tr có các hành vi: Vi phạm điểm a, b khoản 2, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Giả mạo trong công tác, đồng thời kiến nghị Tòa án nhân dân huyện V xét xử đối với ông H và ông Tr 20 năm tù, xử phạt 100 triệu đồng; vi phạm điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3.388 khoản 4 Điều 375 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc, đồng thời kiến nghị Tòa án nhân dân huyện V xét xử đối với ông H và ông Tr 15 năm tù; vi phạm điểm a, b, c, đ, h

khoản 2, khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Vu khống, đồng thời kiến nghị Tòa án nhân dân huyện V xét xử đối với ông H và ông Tr 03 năm tù; vi phạm điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Làm nhục người khác, đồng thời kiến nghị Tòa án nhân dân huyện V xét xử ông H và ông Tr 02 năm tù; vi phạm điểm a, b khoản 2, khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ, đồng thời kiến nghị Tòa án nhân dân huyện V xét xử phạt đối với ông H và ông Tr 10 năm tù, xử phạt 100 triệu đồng (*Đơn ngày 06 tháng 10 năm 2019*).

5. Tố cáo ông Phan Thanh M (Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an huyện V) có các hành vi: Vi phạm khoản 1 Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018 quy định xử lý ban đầu thông tin tố cáo; vi phạm khoản 3, Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018 quy định thụ lý tố cáo; vi phạm khoản 2 Điều 5 Luật Tố cáo năm 2018 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong tiếp nhận, giải quyết tố cáo; vi phạm khoản 1, 2, 4, 5, 7, 9 Điều 8 Luật Tố cáo năm 2018 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo; vi phạm điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 166 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo; vi phạm khoản 1.387 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc; vi phạm khoản 1, 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ (*Đơn ngày 03 tháng 11 năm 2019*).

6. Tố cáo ông Phan Thanh M có hành vi vi phạm điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội Vu khống; Đ cho rằng Quyết định giải quyết tố cáo của ông M là không đúng quy định pháp luật, vu khống Đấu (*Đơn ngày 18 tháng 11 năm 2019*).

7. Tố cáo ông Nguyễn Hồng D (Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện V) có các hành vi: Vi phạm khoản 1, khoản 2 điều 14 về những hành vi bị nghiêm cấm, khoản 1, khoản 2, điều 3 về nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015; vi phạm điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 điều 156 về tội Vu khống; vi phạm điểm a, c khoản 2 điều 166 tội xâm phạm quyền khiếu nại tố cáo theo Bộ luật hình sự năm 2015; vi phạm điểm b khoản 2 điều 375 tội Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc; vi phạm khoản 1, khoản 4 điều 356 tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đoàn Thị Bích Ng trực tiếp ký và gửi 06 đơn Tố cáo với nội dung như sau:

1. Tố cáo ông Mai Ngọc H và ông Nguyễn Việt Tr có các hành vi: Vi phạm khoản 1, 2, 4, 5, 7, 9 Điều 8 Luật Tố cáo năm 2018 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo; có hành vi cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ, quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; có hành vi cấu thành tội Vu khống, quy định tại điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 156 Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 ( Đơn ngày 03 tháng 10 năm 2019).

2. Tố cáo ông Mai Ngọc H và ông Nguyễn Việt Tr có các hành vi: Vi phạm khoản 1, 2, 4, 5, 7, 9 Điều 8 Luật Tố cáo năm 2018 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo; có hành vi cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ, quy định tại khoản 1, khoản 4, Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; có hành vi cấu thành tội Vu khống, quy định tại điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; có hành vi cấu thành tội Xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 166 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong đơn có đoạn tố cáo Thượng tá Mai Ngọc H, Đại úy Nguyễn Việt Tr đã lập hồ sơ không, giả mạo chữ ký của ông Đ ký quyết định cho ông Đ là bị can, H và Tr phù phép để gửi toàn bộ hồ sơ hồ sơ qua Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Đ và Ng đã gửi đơn tố cáo qua đường Bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Công an, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H, Giám đốc Công an tỉnh H (Đơn ngày 16 tháng 10 năm 2019).

3. Tố cáo Đại tá Phan Hoàng L (Giám đốc Công an tỉnh H) về các hành vi: Vi phạm khoản 2 Điều 5 Luật tố cáo quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong tiếp nhận, giải quyết tố cáo; vi phạm điểm a, khoản 1, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Giả mạo trong công tác; vi phạm khoản 1, 2, 4, 5, 7, 9 Điều 8 Luật Tố cáo năm 2018 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo; vi phạm điểm a, khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 166 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo; vi phạm khoản 1, khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ.

Trong đơn có đoạn viết: Đơn tố cáo ngày 03 tháng 10 năm 2019 trọng lượng 290gam, có 54 trang giấy, khi qua tay Giám đốc Công an tỉnh H thì Đại tá Phan Hoàng L nuốt vô bụng hết 47 trang giấy, ăn luôn trọng lượng 225gam, yêu cầu phạt tù Phan Hoàng L hình phạt cao nhất 5 năm tù, phạt tiền cao nhất 100.000.000đ. Kèm theo khiếu nại Thông báo số 08/TB-TT ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Thanh tra Công an tỉnh về việc chuyển đơn của bà Đoàn Thị Bích Ng đề ngày 12 tháng 9 năm 2019 là không đúng quy định pháp luật, Ngân cho rằng: Ngày 03 tháng 10 năm 2019 bà Ng có gửi đơn tố cáo ông Mai Ngọc H và ông Nguyễn Việt Tr thuộc Cơ quan CSĐT Công an huyện V, đơn ghi tên Đoàn Thị Bích Ng, đề ngày 03 tháng 10 năm 2019 chứ không phải là ngày 12 tháng 9 năm 2019 như trong thông báo đã nêu, đến nay đơn chưa được xem xét, giải quyết (Đơn ngày 24 tháng 10 năm 2019).

4. Tố cáo ông Võ Tuấn K (Phó trưởng ban tiếp công dân - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh H) ngày 13 tháng 10 năm 2019 với các nội dung: Vi phạm khoản 1, 2, 4, 5, 7, 9 điều 8 những hành vi bị nghiêm cấm theo luật tố cáo năm

2018, cụ thể khoản 1: Cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người tố cáo; khoản 2: Thiếu trách nhiệm, phân biệt đối xử trong việc giải quyết tố cáo; khoản 4: Làm mất, làm sai lệch hồ sơ, tài liệu vụ việc tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo; khoản 5: Không giải quyết hoặc cố ý giải quyết trái pháp luật; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây phiền hà cho người tố cáo, người bị tố cáo; khoản 7: Can thiệp trái pháp luật, cản trở việc giải quyết tố cáo; khoản 9: Bao che người bị tố cáo.

5. Tố cáo ông Nguyễn Văn C (Thanh tra viên Thanh tra tỉnh H) có các hành vi: Vi phạm điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 166 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo; vi phạm điểm b, h khoản 2, khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Vu khống; vi phạm khoản 1, 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ. Yêu cầu phạt tù ông C 7 năm tù (trang 10); Phạt 3 năm tù và 50.000.000đ (trang 15, 16), phạt 5 năm tù (*Đơn ghi ngày 16 tháng 11 năm 2019*).

6. Tố cáo ông Phan Thanh M (Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an huyện V) có các hành vi: Vi phạm điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 khoản 4 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội Vu khống; vi phạm điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 điều 166, tội Xâm phạm quyền khiếu nại tố cáo Bộ luật hình sự năm 2015; vi phạm khoản 1.387 điều 375, tội Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc Bộ luật hình sự năm 2015; vi phạm khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 điều 356, tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ Bộ luật hình sự năm 2015 (*Đơn ghi ngày 18 tháng 11 năm 2019*).

Ngoài ra, Trần Văn Đ và Đoàn Thị Bích Ng còn ký và gửi nhiều đơn khiếu nại, kiến nghị, phản án gửi đến nhiều cơ quan.

Sau khi nhận được các đơn tố cáo, khiếu nại, kiến nghị và phản ánh, các cơ quan có chức năng như: Thanh tra Sở y tế, Cơ quan điều tra Công an huyện V, Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Thanh tra tỉnh H tiến hành giải quyết tố cáo, khiếu nại theo đúng chức năng, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục pháp luật quy định và xác định nội dung tố cáo, khiếu nại của Trần Văn Đ và Đoàn Thị Bích Ng là sai toàn bộ. Tuy nhiên Đ và Ng tiếp tục làm đơn gửi đến các cơ quan cấp trên và cấp trung ương với lời lẽ bịa đặt, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nghiêm trọng đối với cán bộ thực thi nhiệm vụ. Sau khi được các cơ quan chức năng giải thích, Đ và Ng đã thừa nhận mình sai và xin rút toàn bộ đơn tố cáo trên.

Quá trình điều tra, Ng trình bày đã đưa tiền đánh đơn thuê cho Trần Thị N nhiều lần tổng cộng là 55.000.000đ nhưng không có biên nhận hoặc chứng cứ khác chứng minh, N không thừa nhận số tiền trên mà chỉ thừa nhận có nhận của bà P 5.000.000đ và của Ng 4.000.000đ để mua giấy mực, bà P không thừa nhận có đưa tiền cho N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

1. Căn cứ điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội vu khống.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Bích Ng phạm tội vu khống.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Bích Ng 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 16/01/2020 đến ngày 10/3/2020 vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

3. Căn cứ điểm c, h khoản 2 Điều 156; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội vu khống.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, bị cáo Trần Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, các bị hại Nguyễn Hồng D, Mai Ngọc H và Nguyễn Việt Tr có đơn kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Thị N, đồng thời buộc các bị cáo Trần Thị N, Trần Văn Đ, Đoàn Thị Bích Ng công khai xin lỗi các bị hại trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-HVT, đề nghị áp dụng thêm tình tiết định khung “Đối với người đang thi hành công vụ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự và chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ sang tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Thị N.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, bị cáo Trần Văn Đ có đơn xin rút đơn kháng

cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Văn Đ.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, các bị hại Nguyễn Hồng D, Mai Ngọc H và Nguyễn Việt Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời rút yêu cầu kháng cáo đối với phần buộc các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thị N và Đoàn Thị Bích Ng công khai xin lỗi, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Thị N, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu buộc các bị cáo công khai xin lỗi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị N cho rằng việc bị cáo đánh máy đơn tố cáo cho Đ và Ng là do xuất phát từ lòng thương người, không vụ lợi; không thừa nhận việc hướng dẫn cho Đ và Ng làm đơn tố cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị hại Nguyễn Hồng D, Mai Ngọc H và Nguyễn Việt Tr, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Thị N từ 12 đến 18 tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn Đ, một phần kháng cáo của các bị hại Nguyễn Hồng D, Mai Ngọc H và Nguyễn Việt Tr về việc buộc các bị cáo công khai xin lỗi đã được người kháng cáo rút kháng cáo, Tòa án cũng đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những yêu cầu kháng cáo này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với nội dung kháng cáo còn lại của các bị hại Mai Ngọc H, Nguyễn Hồng D và Nguyễn Việt Tr, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V được thực hiện đúng thời hạn, đúng quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó, đã có căn cứ kết luận:

Xuất phát từ việc Trần Văn Đ có hành vi gây thương tích cho người khác đang được cơ quan chức năng xem xét, giải quyết. Bị cáo Trần Thị N cùng với Trần Văn Đ và Đoàn Thị Bích Ng đã sử dụng thủ đoạn tố cáo những người đang thi hành công vụ, nhằm tạo áp lực lên các cơ quan chức năng để Đ không bị xem xét trách nhiệm hình sự. Sau mỗi lần Đ và Ng tiếp xúc hoặc làm việc với cơ quan chức năng về vụ việc cố ý gây thương tích thì về nói lại nội dung cuộc làm



việc cho N nghe, khi cơ quan chức năng gửi các giấy mời, các thông báo hoặc các quyết định cho người nhà của Đ thì Đ và Ng đều đưa cho N xem hoặc khi cơ quan công an làm việc, Đ và Ng đều điện thoại trực tiếp cho N để được N hướng dẫn rồi sau đó bàn bạc thống nhất viết nội dung đơn tố cáo.

Cả ba tra cứu các điều luật các cán bộ vi phạm, N tự nghĩ ra nội dung đơn, đánh vào điều luật mà các cán bộ vi phạm như đã bàn bạc cùng Đ, Ng rồi đánh máy in ra đọc lại cho Đ và Ng nghe, thống nhất và ký tên vào đơn. Sau đó, cả ba tra cứu trên mạng tên, địa chỉ các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, giám sát việc giải quyết vụ việc, N đánh máy in tên, địa chỉ các cơ quan trên ra, Ng và Đ cắt dán vào bì thư rồi trực tiếp đi gửi đơn hoặc ra các bưu điện để gửi đơn. Với phương thức này, từ ngày 20 tháng 9 năm 2019 đến ngày 18 tháng 11 năm 2019, Đ, Ng và N đã bịa đặt và phân tích những việc làm sai trái của các cơ quan chức năng hoặc các cán bộ trực tiếp thụ lý, giải quyết vụ việc để tố cáo sai sự thật với tổng cộng 27 đơn, thư các loại, trong đó có 12 đơn tố cáo các bị hại vi phạm pháp luật hình sự, cấu thành một số tội được quy định trong Bộ luật hình sự, thậm chí một số đơn tố cáo các bị hại có hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, một số đơn còn kiến nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xử phạt các bị hại bằng các hình thức phạt tù có thời hạn và phạt tiền. Các bị hại đã bị tố cáo sai sự thật gồm: Các ông Đoàn Văn P (Phó Giám đốc), Phan Thành T (Trưởng khoa Ngoại tổng hợp), Nguyễn Thành P (Giám đốc) và Trương Văn X (Trưởng phòng Tổ chức cán bộ) thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh H; các ông Phan Thanh M (Thủ trưởng), Mai Ngọc H (Phó thủ trưởng), Nguyễn Việt Tr (Điều tra viên) và Nguyễn Hồng D (Điều tra viên) thuộc Cơ quan điều tra Công an huyện V; ông Phan Hoàng L (Giám đốc Công an tỉnh H); ông Võ Tuấn K (Phó trưởng ban tiếp công dân - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh H); ông Nguyễn Văn C (Thanh tra viên Thanh tra tỉnh H).

[3] Xét hành vi của bị cáo Trần Thị N, xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị áp dụng thêm tình tiết định khung “Đối với người đang thi hành công vụ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo Trần Thị N là đồng phạm với Đ và Ng thêu dệt những sự việc không có thật để vu khống người khác và đưa thông tin từ người này đến người khác; cố ý trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, quyền và lợi ích của nhiều người; vu khống một số bị hại phạm tội rất nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo biết rõ các bị hại Mai Ngọc H, Nguyễn Việt Tr và Nguyễn Hồng D là những người đang thi hành công vụ, trực tiếp xem xét giải quyết đối với hành vi cố ý gây thương tích của Trần Văn Đ, nhưng bị cáo vẫn xúi giục, giúp sức cho Đ và Ng tố cáo, vu khống các bị hại này là thuộc trường hợp “Đối với người đang thi hành công vụ”, mặc dù lý do công vụ của các bị hại này không liên quan trực tiếp đến bị cáo, nhưng bị cáo với vai trò là người xúi giục, người giúp sức để nhằm mục đích giúp cho bị cáo Đ thoát tội cũng đã chứng minh ý thức của bị cáo là nhằm tạo áp lực lên các cơ quan chức năng để

giúp Đ không bị xem xét trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Thị N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vu khống” quy định tại các điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự, với các tình tiết định khung là: “Đối với 02 người trở lên”, “Đối với người đang thi hành công vụ” và “Vu khống cho người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung “Đối với người đang thi hành công vụ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N là chưa đánh giá đúng tính chất, vai trò của đồng phạm của bị cáo N.

Từ những phân tích trên, xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng thêm tình tiết định khung “Đối với người đang thi hành công vụ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị N để xem xét, quyết định hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của các bị hại Mai Ngọc H, Nguyễn Việt Tr và Nguyễn Hồng D; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang, về việc chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ sang tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Mục đích ban đầu của bị cáo Đ, bị cáo Ng và bà P là thuê bị cáo N đánh máy tờ tường trình lại sự việc bị cáo Đ gây thương tích cho ông Nguyễn Hoàng P mà bị cáo Đ nhờ người khác viết sẵn trước đó. Nhưng sau khi được bị cáo N hướng dẫn, giải thích cho Ng và Đ những hành vi của cơ quan và người có thẩm quyền là sai để soạn đơn tố cáo thì Ng và Đ nghe theo bị cáo N để thực hiện hành vi tố cáo người khác sai sự thật.

Theo Kết luận giám định số 1483/C09B ngày 08 tháng 4 năm 2020, kèm theo bản dịch nội dung hội thoại giữa bị cáo N với bị cáo Đ và bà P (bút lục 192-201) đã chứng minh được những lời nói của bị cáo N là tác động vào tư tưởng bị cáo Đ, bị cáo Ng và bà P, làm cho bị cáo Đ và bị cáo Ng nảy sinh ý định phạm tội, nghe theo sự hướng dẫn, tác động của bị cáo N để tố cáo sai sự thật, tuy đơn tố cáo bị cáo N soạn thảo trên cơ sở bị cáo Ng và bị cáo Đ kể lại nội dung những buổi làm việc giữa các cơ quan chức năng với bị cáo Đ và bị cáo Ng, nhưng việc bị cáo Đ và bị cáo Ng kể lại nội dung những buổi làm việc giữa các cơ quan chức năng với bị cáo Đ và bị cáo Ng cũng là do bị cáo N hướng dẫn, yêu cầu Ng và Đ kể lại cho bị cáo nghe để bị cáo soạn đơn tố cáo.

Giả sử không có sự hướng dẫn, tác động của bị cáo N thì hành vi của Ng và Đ chỉ dừng lại ở việc tường trình sự việc xảy ra giữa gia đình Đ với ông Nguyễn Hoàng P, không đến mức độ bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền. Bởi lẽ: Bản thân Ng và Đ không hiểu biết pháp luật để bịa đặt, tố cáo các bị hại vi phạm điểm, khoản, điều luật nào, không biết việc làm đơn tố cáo sẽ gửi cơ quan có thẩm quyền nào mà là do bị cáo N hướng dẫn và tích cực lên mạng tìm kiếm tội danh, điều luật được quy định trong Bộ luật hình sự và tự soạn đơn tố cáo cho Ng và Đ ký tên, sau đó tìm kiếm địa chỉ cơ quan trong tỉnh và trung ương để cho Ng và Đ gửi đơn tố cáo.

Hành vi trên của bị cáo N là thúc đẩy, tác động vào tư tưởng của Ng và Đ để Ng và Đ thực hiện tội phạm, hành vi này của bị cáo được thực hiện trước khi Đ và Ng thực hiện hành vi phạm tội, được nhằm vào tội phạm cụ thể và người phạm tội cụ thể. Có căn cứ chứng minh vai trò đồng phạm của bị cáo N vừa là người xúi giục, vừa là người giúp sức cho bị cáo Đ và bị cáo Ng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành.

[4.2] Xét vai trò đồng phạm của bị cáo vừa là người xúi giục, vừa là người giúp sức tích cực, tính chất, mức độ phạm tội cao hơn Ng và Đ; bị cáo phạm tội với 03 tình tiết định khung và có 01 tình tiết tăng nặng như Đ và Ng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như bị cáo Đ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 01 năm tù theo khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ, nhưng lại cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo so với bị cáo Đ, chưa phân hóa được tội phạm cũng như vai trò, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của đồng phạm.

Mặt khác, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo một mực cho rằng bản thân chỉ vì thương người mà giúp sức đánh máy đơn tố cáo cho Đ và Ng, không thừa nhận việc hướng dẫn, tác động Ng và Đ thực hiện hành vi tố cáo người khác, chứng minh bị cáo chưa thực sự thành khẩn khai báo nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3] Do đó, kháng cáo của các bị hại Mai Ngọc H, Nguyễn Việt Trg và Nguyễn Hồng D cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Lẽ ra cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo cao hơn bị cáo Đ, nhưng xét sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã công khai xin lỗi các bị hại trên phương tiện thông tin đại chúng, phần nào thể hiện được sự ăn năn của bị cáo, nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo ngang bằng với bị cáo Đ cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp và có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị hại Mai Ngọc H, Nguyễn Việt Tr và Nguyễn Hồng D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị hại Mai Ngọc H, Nguyễn Việt Tr, Nguyễn Hồng D; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “Vu khống”.

3. Căn cứ vào các điểm c, đ, h khoản 2 Điều 156, Điều 38, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 01 (một) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Về án phí: Không ai phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CA, Chi cục THADS huyện V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Hữu Thắng**